

Số: /BC-SYT

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC**  
**HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2021**

Tiếp nhận Công văn số 3653/VPUB-TTPVHCC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát TTHC quý III/2021.

Sở Y tế báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2021 như sau:

**I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC**  
**HÀNH CHÍNH**

**1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: không
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: không

**2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL**

Nêu tổng số TTHC và tổng số văn bản QPPL trong kỳ báo cáo do Bộ, cơ quan mình chủ trì thực hiện việc thẩm định: không

**3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC**

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 02 Quyết định (01 Quyết định công bố quy trình nội bộ và 01 Quyết định công bố sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Mỹ phẩm).

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 04 văn bản

+ Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

+ Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm có hiệu lực thi hành từ ngày ký;

+ Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm.

+ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2021.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố 103 thủ tục; trong đó số TTHC được công khai: 103/103

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi của Sở Y tế tính đến thời điểm báo cáo: 103; trong đó số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế: 83 thủ tục tại Trung tâm phục vụ hành chính công và 20 thủ tục tại đơn vị.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: không trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: không; số TTHC do địa phương quy định: không

#### **4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC**

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch (Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của bộ, cơ quan/UBND cấp tỉnh): 103 thủ tục

- Tổng số TTHC được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 103

- Phương án đơn giản hóa cụ thể: số TTHC giữ nguyên: 67 thủ tục; số TTHC đề nghị bãi bỏ: 03 thủ tục; số TTHC giảm thời gian: 33; số TTHC sửa đổi, bổ sung: 0; số TTHC thay thế: 0; số TTHC liên thông: không; số TTHC có giải pháp đề thực hiện trên môi trường điện tử: 83 thủ tục.

- Số tiền tiết kiệm được: 0

- Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được: 0

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa: 34%

#### **5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC**

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 00; số từ kỳ trước chuyển qua: 00; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 0; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 0

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 0; trong đó số đã được đăng tải công khai: 0

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0

#### **6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

##### **a. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh**

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 177 (trực tuyến: 0; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 164); số từ kỳ trước chuyển qua: 13.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 140; trong đó, giải quyết trước hạn: 140, đúng hạn: 0, quá hạn: 0.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 37; trong đó, trong hạn: 23, hồ sơ bổ sung: 14 ; quá hạn: 0.

#### **b. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC tại đơn vị**

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 102 (trực tuyến: 00, trực tiếp: 102); số từ kỳ trước chuyển qua: 0

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 102; trong đó, giải quyết trước hạn: 08, đúng hạn: 94, quá hạn: 0

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 0; trong đó, trong hạn: 0, quá hạn: 0

#### **7. Triển khai cơ chế một cửa trong giải quyết TTHC**

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

- Sở ban hành Quyết định số 5962/QĐ-SYT ngày 22/12/2020 Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành năm 2021, trong đó kế hoạch đã nêu rõ sản phẩm, thời gian hoàn thành, trách nhiệm của cơ quan và các đơn vị thuộc trong việc triển khai thực hiện; Kế hoạch số 5964/KH-SYT ngày 22/12/2020 của Sở Y tế rà soát, đánh giá TTHC năm 2021. Sở đã thực hiện rà soát, đánh giá các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo Kế hoạch và báo cáo đúng quy định. Thực hiện cập nhật, bổ sung, niêm yết các thủ tục hành chính tại cơ quan và trang Web ngành theo quy định.

- Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị như máy tính, máy scan, máy in, bàn, ghế, bàn quỳ cho cán bộ, công chức, ghế ngồi chờ của tổ chức, công dân, bảng niêm yết các danh mục TTHC theo quy định đảm bảo phục vụ cho người dân đến giao dịch, tra cứu.

#### **8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử**

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

Sở Y tế đã triển khai cho các đơn vị trực thuộc những nội dung sau:

+ Tuyên truyền mạnh mẽ, sâu rộng dưới nhiều hình thức về việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để tổ chức, cá nhân hiểu rõ và sử dụng dịch vụ; đồng thời chỉ đạo việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử để tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC trên môi trường điện tử tuân thủ theo quy trình được quy định tại Chương II Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, làm rõ trách nhiệm của công chức, viên chức trong từng quy trình tiếp nhận, giải quyết để phản hồi cho tổ chức, cá nhân, bảo đảm việc phân công khoa học, các nội dung phản hồi chính xác, đúng thời hạn, định kỳ báo cáo cùng với kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị theo quy định.

+ Kiểm soát chặt chẽ việc cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo đúng các quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, trong đó bao gồm quá trình lập danh mục, rà soát, đơn giản hoá việc lựa chọn các giải pháp cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để việc thực hiện đạt hiệu quả, thuận tiện cho người dùng, tránh lãng phí.

+ Chưa đáp ứng yêu cầu đề ra theo quy định tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP như: việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mới chỉ bước đầu được triển khai, kết quả đạt được còn hạn chế (ít người sử dụng, số hồ sơ được gửi/nhận trực tuyến không cao). Đã quán triệt chỉ đạo các đơn vị trực thuộc điều hành qua môi trường điện tử, hạn chế sử dụng văn bản giấy, nâng cao hiệu lực quản lý, năng suất lao động và giảm chi phí hành chính. Tuy nhiên, việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại đơn vị chưa mang lại hiệu quả cao, chủ yếu chỉ sử dụng trong việc gửi, nhận văn bản, hỗ trợ công tác văn thư, mà chưa thực hiện chức năng quản lý, chỉ đạo, điều hành qua mạng.

### **9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

- Các hình thức cụ thể đã được thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC: trong các buổi giao ban, cuộc họp, hội nghị.

- Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC: Các cán bộ công chức, viên chức ngành y tế trong các cuộc họp, mọi người đã đồng tình và thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đối với các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, thực hiện tốt các quy định của ngành.

### **10. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

- Về công tác kiểm tra: 01 lần/năm. Kiểm tra lồng ghép trong kiểm tra cải cách hành chính hàng năm tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

- Việc khen thưởng: đưa vào tiêu chí xét thi đua khen thưởng hàng năm

- Xử lý cán bộ công chức, viên chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC: xử lý theo quy định.

### **11. Nội dung khác**

- Việc ban hành đồng bộ, cụ thể các chính sách, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật gắn với việc giải quyết TTHC.

- Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC: Sở Y tế đã tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo công tác kiểm soát TTHC của Ủy ban nhân dân tỉnh, của Bộ Y tế đảm bảo kịp thời, chất lượng.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan.

- Tự đánh giá mức độ hoàn thành công tác kiểm soát TTHC của cơ quan: hoàn thành tốt công tác kiểm soát TTHC.

## **2. Khó khăn, vướng mắc:**

### **• Tại Sở Y tế:**

- Quyết định công bố TTHC của Bộ Y tế bãi bỏ một số thủ tục khi gửi đến Sở nhận thủ tục đó đã bãi bỏ trong các thủ tục công bố mới trước đó, do đó công tác kiểm soát TTHC khó khăn trong rà soát.

- Sở Y tế chưa có biên chế cán bộ làm công tác đầu mối kiểm soát TTHC chuyên trách, vẫn phải kiêm nhiệm nhiều việc, do đó ảnh hưởng rất nhiều đến tiến độ và chất lượng rà soát các quy định hành chính.

### **• Tại các đơn vị trực thuộc:**

- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC chưa kịp thời do chưa có cán bộ đầu mối chuyên trách chỉ kiêm nhiệm, nên gặp nhiều khó khăn trong công tác rà soát, báo cáo.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2021**

- Tiếp tục rà soát các qui trình, thủ tục hành chính và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.

- Những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa thực hiện TTHC trên môi trường điện tử sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ tiếp theo.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức, coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải CCHC.

- Các mục tiêu cải CCHC mang tính định lượng với mức độ phù hợp, thiết thực để bảo đảm tính khả thi; Coi trọng công tác thí điểm và kết quả của một số mô hình trong triển khai cải CCHC.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thực hiện công tác cải CCHC; Nâng cao năng lực của đội ngũ công chức làm công tác cải CCHC; bố trí đủ nguồn lực tài chính cho cải CCHC.

## **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:**

### **1. Bộ Y tế:**

a. Thực trạng hiện nay tại Sở Y tế Ninh Thuận có một số thủ tục thuộc các lĩnh vực y tế đang thực hiện tại địa phương trong vòng 3 năm trở lại đây không phát sinh hồ sơ chẳng hạn như *Lĩnh vực Mỹ phẩm, Khám bệnh, chữa bệnh (thủ tục khám sức khỏe thuyền viên)*,... Đề nghị Bộ Y tế trong thời gian tới khi ban hành Quyết định công bố thủ tục quan tâm, xem xét.

b. Đề nghị Bộ Y tế ban hành Quyết định công bố bãi bỏ 03 thủ tục hành chính (trong đó, 02 thủ tục bãi bỏ và 01 thủ tục không thuộc thẩm quyền Sở Y tế) sau đây:

**- Thủ tục Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)**

(Thông tư số 12/2020/TT-BYT ngày 22/6/2020 tại Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [02/2018/TT-BYT](#) ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc).

**- Thủ tục Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GDP)** (Thông tư số 09/2020/TT-BYT ngày 10/6/2020. Tại Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [03/2018/TT-BYT](#) ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc).

**- Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển** (Thông tư 17/2018/TT-BYT ngày 06/8/2018 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên) **thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế** trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh”.

**Nơi nhận:**

- VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, VP.XH

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Bùi Văn Kỳ**









| STT              | Lĩnh vực giải quyết                         | Số lượng hồ sơ tiếp nhận |            |                              |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |            |           |          | Số lượng hồ sơ đang giải quyết |           |          |
|------------------|---|--------------------------|------------|------------------------------|-------------|------------------------------|------------|-----------|----------|--------------------------------|-----------|----------|
|                  |   | Tổng số                  | Trong kỳ   |                              | Từ kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn  | Đúng hạn  | Quá hạn  | Tổng số                        | Đúng hạn  | Quá hạn  |
|                  |   |                          | Trực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính |             |                              |            |           |          |                                |           |          |
| (1)              | (2)   | (3)=(4)<br>+(5)+(6)      | (4)        | (5)                          | (6)         | (7)=(8)<br>+(9)+(10)         | (8)        | (9)       | (10)     | (11)=<br>(12)+(13)             | (12)      | (13)     |
| 9                | Lĩnh vực về khám bệnh, chữa bệnh            | 0                        | 0          | 0                            | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0         | 0        |
| 10               | Lĩnh vực Tổ chức - Cán bộ                   | 0                        | 0          | 0                            | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0         | 0        |
| 11               | Lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS               | 0                        | 0          | 0                            | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0         | 0        |
| 12               | Lĩnh vực sức khỏe bà mẹ - Trẻ em (DS-KHHGD) | 0                        | 0          | 0                            | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0         | 0        |
| 13               | Lĩnh vực An toàn thực phẩm                  | 12                       | 0          | 12                           | 0           | 12                           | 12         | 0         | 0        | 0                              | 0         | 0        |
| 14               | Lĩnh vực Giám định Y khoa - Pháp Y          | 94                       | 0          | 94                           | 0           | 94                           | 0          | 94        | 0        | 0                              | 0         | 0        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |   | <b>279</b>               | <b>0</b>   | <b>266</b>                   | <b>13</b>   | <b>279</b>                   | <b>148</b> | <b>94</b> | <b>0</b> | <b>37</b>                      | <b>23</b> | <b>0</b> |

Ghi chú : Lĩnh vực Dược phẩm: \* Tổng hồ sơ đang giải quyết: 19 (trong đó, 14 hồ sơ chờ bổ sung hồ sơ và 05 hồ sơ đang giải quyết).

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2021

(Từ ngày 15/6/2021 đến ngày 14/9/2021)

- Đơn vị báo cáo: Sở Y tế

- Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng UBND tỉnh

Đơn vị tính: TTHC, %

**I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA**

| STT | Lĩnh vực   | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương |           |           |          | TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT |                   |                    |                 | Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành |          |           |        |
|-----|--|---|-----------|-----------|----------|-------------------------------------|-------------------|--------------------|-----------------|--|----------|-----------|--------|
|     |  | Tổng số TTHC  | Cấp tỉnh  | Cấp huyện | Cấp xã   | Tổng số TTHC                        | Tại BPMC cấp tỉnh | Tại BPMC cấp huyện | Tại BPMC cấp xã | Tổng số quy trình  | Cấp tỉnh | cấp huyện | Cấp xã |
| (1) | (2)  | (3)=(4)+(5)+<br>(6)                                     | (4)       | (5)       | (6)      | (7)=(8)+(9)+<br>(10)                | (8)               | (9)                | (10)            | (11)=(12)+<br>(13)+14)   | (12)     | (13)      | (14)   |
| 1   | Lĩnh vực Khám chữa bệnh  | <b>20</b>   | 20        | 0         | 0        | <b>20</b>                           | 20                | 0                  | 0               | <b>20</b>  | 20       | 0         | 0      |
| 2   | Lĩnh vực Y tế Dự phòng   | <b>02</b>   | 02        | 0         | 0        | <b>02</b>                           | 02                | 0                  | 0               | <b>02</b>  | 02       | 0         | 0      |
| 3   | Lĩnh vực Trang thiết bị Y tế   | <b>05</b>   | 05        | 0         | 0        | <b>05</b>                           | 05                | 0                  | 0               | <b>05</b>  | 05       | 0         | 0      |
| 4   | Lĩnh vực Môi trường  | <b>01</b>   | 01        | 0         | 0        | <b>01</b>                           | 01                | 0                  | 0               | <b>01</b>  | 01       | 0         | 0      |
| 5   | Lĩnh vực Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | <b>09</b>   | 09        | 0         | 0        | <b>09</b>                           | 09                | 0                  | 0               | <b>09</b>  | 09       | 0         | 0      |
| 6   | Lĩnh vực Mỹ phẩm   | <b>05</b>   | 05        | 0         | 0        | <b>05</b>                           | 05                | 0                  | 0               | <b>05</b>  | 04       | 0         | 0      |
| 7   | Lĩnh vực Dược phẩm   | <b>37</b>   | <b>37</b> | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>37</b>                           | 37                | 0                  | 0               | <b>37</b>  | 37       | 0         | 0      |

| STT              | Lĩnh vực   | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương |            |           |           | TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT |                   |                    |                 | Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành |            |           |           |
|------------------|--|---|------------|-----------|-----------|-------------------------------------|-------------------|--------------------|-----------------|--|------------|-----------|-----------|
|                  |  | Tổng số TTHC  | Cấp tỉnh   | Cấp huyện | Cấp xã    | Tổng số TTHC                        | Tại BPMC cấp tỉnh | Tại BPMC cấp huyện | Tại BPMC cấp xã | Tổng số quy trình  | Cấp tỉnh   | cấp huyện | Cấp xã    |
| 8                | Lĩnh vực Đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe | 01  | 01         | 0         | 0         | 01                                  | 01                | 0                  | 0               | 01   | 01         | 0         | 0         |
| 9                | Lĩnh vực về khám bệnh, chữa bệnh                             | 03  | 03         | 0         | 0         | 03                                  | 03                | 0                  | 0               | 03   | 03         | 0         | 0         |
| 10               | Lĩnh vực Tổ chức - Cán bộ                                    | 02  | 02         | 0         | 0         | 02                                  | 02                | 0                  | 0               | 02   | 02         | 0         | 0         |
| 11               | Lĩnh vực Phòng chống HIV/AIDS                                | 04  | 04         | 0         | 0         | 04                                  | 04                | 0                  | 0               | 04   | 04         | 0         | 0         |
| 12               | Lĩnh vực sức khỏe bà mẹ - Trẻ em (DS-KHHGD)                  | 01  | 0          | 0         | 01        | 01                                  | 0                 | 0                  | 01              | 01   | 0          | 0         | 01        |
| 13               | Lĩnh vực An toàn thực phẩm                                   | 05  | 04         | 01        | 0         | 05                                  | 04                | 01                 | 0               | 05   | 04         | 01        | 0         |
| 14               | Lĩnh vực Giám định Y khoa - Pháp Y                           | 09  | 09         | 0         | 0         | 09                                  | 09                | 0                  | 0               | 09   | 09         | 0         | 0         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |  | <b>103</b>  | <b>101</b> | <b>01</b> | <b>01</b> | <b>103</b>                          | <b>101</b>        | <b>01</b>          | <b>01</b>       | <b>103</b>   | <b>101</b> | <b>01</b> | <b>01</b> |